TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **43**/2026/HNGĐ-ST Ngày: 30-01-2026 V/v: "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Châu Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Thành;

2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 245/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: thôn T, xã V, tỉnh Hà Tĩnh.

Số Căn cước công dân: 042191012538.

- Bị đơn: anh Trần Nhật Đ, sinh năm 1993. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: thôn T, xã Q, thành phố Đà Nẵng.

Số Căn cước công dân: 049093005157.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2025, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã Quế Phước, thành phố Đà Nẵng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 05/01/2015.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh Đ nghiện ma túy, thường xuyên đánh đập vợ con, chửi mắng cha mẹ, gây mất trật tự xóm làng, không chu cấp nuôi dưỡng các con. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị và anh Đ không còn chung sống, không quan tâm đến nhau đã 02 năm nay, chị đã đưa các con về sống với cha mẹ ruột của chị tại tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2023. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chị và anh Đ có 02 con chung tên là Trần Minh H, sinh ngày 25/5/2015 và Trần Phương N, sinh ngày 20/12/2021. Hiện tại các con đang sống chung với chị nên khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu H, N và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đối với bị đơn - anh Trần Nhật Đ: trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ không hợp tác, cố tình không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, anh Đ không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - anh Trần Nhật Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị T có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Trần Nhật Đ, địa chỉ: thôn T, xã Q, thành phố Đà Nẵng. Chị T khởi kiện xin ly hôn với anh Đ và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp về ly*

hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố Đà Nẵng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 05/01/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Theo chị T, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do anh Đ nghiện ma túy, thường xuyên đánh đập vợ con, chửi mắng cha mẹ, gây mất trật tự xóm làng và không chu cấp nuôi dưỡng các con. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cương quyết xin ly hôn, còn anh Đ không tham gia các phiên hòa giải, không tham gia các phiên tòa và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại biên bản xác minh ngày 13/11/2025, bà Nguyễn Thị Thanh T (mẹ ruột của anh Đ) cung cấp: *"Cách đây khoảng 02 năm vợ chồng T, Đ xảy ra mâu thuẫn nên T đã đưa 02 con ra Hà Tĩnh sống với cha mẹ ruột, còn Đ vẫn ở chung nhà với tôi"*. Lời trình bày của bà T phù hợp với lời khai của chị T về việc chị T và anh Đ đã không còn chung sống, không quan tâm đến nhau đã 02 năm nay. Điều đó, cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh Đ có 02 con chung tên là Trần Minh H, sinh ngày 25/5/2015 và Trần Phương N, sinh ngày 20/12/2021. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu H, N; anh Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến về việc nuôi con chung, thể hiện sự không quan tâm đến gia đình, con cái. Tại Xác nhận thông tin về cư trú số 110/XN ngày 05/8/2025 của Công an xã V, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện chị T, cháu H và cháu N là thành viên hộ gia đình bà Lê Thị T (mẹ ruột chị T). Tại các Đơn xin xác nhận lập ngày 11/11/2025, Trường Tiểu học L xác nhận: *"Em Trần Minh H, sinh ngày 25/5/2015, con bà Nguyễn Thị T, thôn T, xã V, tỉnh Hà Tĩnh hiện đang học lớp 5A, Trường Tiểu học L, xã V, tỉnh Hà Tĩnh, năm học 2025 - 2026"* và Trường Mầm non P xác nhận: *"Cháu Trần Phương N, hiện đang học tại lớp 4 tuổi A, Trường Mầm non P năm học 2025 - 2026"*. Như vậy, hai cháu H, N hiện đang sống chung với chị T, đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và hiện các cháu có nơi ở, môi trường sống, học tập ổn định. Tại Đơn xin xác nhận lập ngày 11/11/2025, Công ty C Hà Tĩnh xác nhận chị T đang là công nhân của công ty với mức lương trung bình mỗi tháng 7.000.000 đồng, thể hiện chị T có công việc và thu nhập ổn định để nuôi con. Hơn nữa, tại Đơn trình bày nguyện vọng, cháu H có nguyện vọng được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao hai cháu H, N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi T niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Trần Nhật Đ về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Nhật Đ.

2. Về con chung: giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 25/5/2015 và cháu Trần Phương N, sinh ngày 20/12/2021 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi T niên (đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị Nguyễn Thị T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị T đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005145 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đà Nẵng;
- UBND xã Q, thành phố Đà Nẵng;
(Giấy CNKH số 01 ngày 05/01/2015 của UBND xã Q cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phượng